

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố lại Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 áp dụng tại UBND phường Hải Ninh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG HẢI NINH

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi bổ sung một số Điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/03/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Thông tư 26/2014/TT-BKHCN Quy định chi tiết thi hành Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 101/QĐ-BKHCN ngày 21/01/2019 của Bộ KHCN về việc công bố mô hình khung HTQLCL theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 cho các cơ quan, tổ chức loại hình cơ quan hành chính nhà nước tại địa phương;

Căn cứ Hướng dẫn số 03/HD-SKHCN ngày 02/01/2020 của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thanh Hóa về việc hiện chuyển đổi HTQLCL theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 tại các cơ quan quản lý hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Xét đề nghị của công chức Văn phòng - Thống kê.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố lại Hệ thống quản lý chất lượng áp dụng tại UBND phường Hải Ninh phù hợp Tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015

(Có phụ lục kèm theo).

Điều 2. Ban chỉ đạo ISO 9001: 2015, Công chức phụ trách các lĩnh vực thường xuyên triển khai áp dụng và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo phạm vi đã công bố.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế các Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 25/01/2024 của UBND phường Hải Ninh về việc công bố lại Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 áp dụng tại UBND phường Hải Ninh.

Văn phòng UBND phường, Ban chỉ đạo ISO 9001:2015, các công chức phụ trách lĩnh vực chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Sở KH&CN (b/c);
- UBND thị xã ;
- Lưu: VP.

CHỦ TỊCH

Lê Đình Phương

PHỤ LỤC
CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CỦA UBND PHƯỜNG HẢI NINH ĐƯỢC
CÔNG BỐ PHÙ HỢP TIÊU CHUẨN QUỐC GIA TCVN ISO 9001:2015
(Ban hành kèm theo Quyết định số 16 /QĐ-UBND ngày 25 /01/2024

của UBND phường Hải Ninh

STT	TÊN TÀI LIỆU	MÃ SỐ
I. TÀI LIỆU CHUNG CỦA HỆ THỐNG		
1	Sổ tay chất lượng	STCL
2	Quy trình kiểm soát thông tin dạng văn bản	QT-UBND-01
3	Quy trình quản lý rủi ro, cơ hội	QT-UBND-02
4	Quy trình đánh giá nội bộ	QT-UBND-03
5	Quy trình kiểm soát sự không phù hợp và hành động khắc phục	QT-UBND-04
II. QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT TTHC (249 QUY TRÌNH)		
1. LĨNH VỰC AN TOÀN ĐẬP, HỒ CHỨA THỦY ĐIỆN (02 quy trình)		
1	Quy trình Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã	QT-ATĐHCTĐ-01
2	Quy trình Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban Nhân dân cấp xã	QT-ATĐHCTĐ-02
2. LĨNH VỰC BẢO HIỂM (01 quy trình)		
3	Quy trình Phê duyệt đối tượng được hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp	QT-BH-02
3. LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI (18 quy trình)		
4	Quy trình Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trong năm	QT-BTXH-01
5	Quy trình Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo phát sinh trong năm	QT-BTXH-02
6	Quy trình Tiếp nhận đối tượng là người chưa thành niên không có nơi cư trú ổn định bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn vào cơ sở trợ giúp trẻ em	QT-BTXH-03
7	Quy trình Đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật	QT-BTXH-04
8	Quy trình Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật	QT-BTXH-05
9	Quy trình Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội	QT-BTXH-06
10	Quy trình Nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp	QT-BTXH-07
11	Quy trình Quyết định trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ	QT-BTXH-08

	trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, trong và ngoài tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	
12	Quy trình Chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	QT-BTXH-09
13	Quy trình Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	QT-BTXH-10
14	Quy trình <u>Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện</u>	QT-BTXH-11
15	Quy trình <u>Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện</u>	QT-BTXH-12
16	Quy trình <u>Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn</u>	QT-BTXH-13
17	Quy trình <u>Dùng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện</u>	QT-BTXH-14
18	Quy trình <u>Xác nhận hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2016-2020 thuộc diện đối tượng được ngân sách nhà nước hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế</u>	QT-BTXH-15
19	Quy trình <u>Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí mai táng</u>	QT-BTXH-16
20	Quy trình <u>Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở</u>	QT-BTXH-17
21	Quy trình <u>Thủ tục thực hiện chính sách khuyến khích sử dụng hình thức hỏa táng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2022-2025 (đối với các đối tượng mà thân nhân hoặc cá nhân được hưởng chính sách hỗ trợ từ nguồn kinh phí giao cho địa phương quản lý).</u>	QT-BTXH-18
4. LĨNH VỰC BỒI THƯỜNG NHÀ NƯỚC (01 quy trình)		
22	Quy trình <u>Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại (cấp xã)</u>	QT-BTNN-01
5. LĨNH VỰC CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG (01 quy trình)		
23	Quy trình <u>Thực hiện chính sách hỗ trợ đối với những người hoạt động không chuyên trách thôi đảm nhiệm chức danh sau khi sáp nhập để thành lập thôn, tổ dân phố mới</u>	QT-CQĐP-01
6. LĨNH VỰC CHÍNH SÁCH (25 quy trình)		
24	Quy trình Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp một lần	QT-CS-01

	đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân; công nhân viên chức quốc phòng; dân quân tự vệ trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế sau ngày 30/4/1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc (đối với đối tượng đã tử trận) do Bộ Quốc phòng giải quyết	
25	Quy trình Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân; công nhân viên chức quốc phòng; dân quân tự vệ trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế sau ngày 30/4/1975, có dưới 15 năm công tác đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc (đối tượng còn sống) thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Quốc phòng	QT-CS -02
26	Quy trình Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp hàng tháng đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu, nhập ngũ, tuyển dụng sau ngày 30/4/1975, tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế có từ đủ 15 năm đến dưới 20 năm công tác thực tế trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc	QT-CS -03
27	Quy trình Thủ tục thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước có dưới 15 năm công tác trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa phương (đối tượng cư trú ở địa phương khác không còn lưu giữ được giấy tờ)	QT-CS -04
28	Quy trình Thủ tục thực hiện chế độ một lần đối với dân quân tập trung ở miền Bắc, du kích tập trung ở miền Nam (bao gồm cả lực lượng mật quốc phòng), đối tượng cư trú ở địa phương khác không còn lưu giữ giấy tờ	QT-CS -05
29	Quy trình Thủ tục thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước có dưới 15 năm công tác trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa phương (bao gồm cả đối tượng đã tử trận)	QT-CS -06
30	Quy trình Thủ tục thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với dân quân tập trung ở miền Bắc, du kích tập trung ở miền Nam (bao gồm cả lực lượng mật quốc phòng)	QT-CS -07
31	Quy trình Thủ tục thực hiện chế độ một lần đối với đối tượng hạ sĩ quan, chiến sĩ quân đội theo Quyết định số 188/2007/QĐ-TTg (đối tượng cư trú ở địa	QT-CS -08

	phương khác không còn lưu giữ được giấy tờ)	
32	Quy trình Thủ tục thực hiện chế độ một lần đối với hạ sĩ quan, chiến sĩ quân đội đã được hưởng chế độ trợ cấp một lần theo Quyết định 290/2005/QĐ- TTg (nay bổ sung đối tượng theo Quyết định số 188/2007/QĐ-TTg)	QT-CS -09
33	Quy trình Thủ tục thực hiện chế độ một lần đối với đối tượng hạ sĩ quan, chiến sĩ quân đội theo Quyết định 188/2007/QĐ-TTg (đối tượng lập hồ sơ lần đầu)	QT-CS -10
34	Quy trình <u>Thủ tục thực hiện chế độ một lần đối với đối tượng hạ sĩ quan, chiến sĩ quân đội tham gia chiến đấu, hoạt động ở chiến trường B, C, K, sau đó trở thành người hưởng lương</u>	QT-CS -11
35	Quy trình <u>Thủ tục thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với quân nhân, công nhân viên chức quốc phòng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chế độ, chính sách của Đảng và Nhà nước (đối tượng cư trú ở địa phương khác không còn lưu giữ giấy tờ)</u>	QT-CS -12
36	Quy trình <u>Thủ tục xác nhận đối với quân nhân đã xuất ngũ bị bệnh cũ tái phát dẫn đến tâm thần quy định tại Điểm h Khoản 1 Điều 33 Nghị định số 31/2013/NĐ-CP</u>	QT-CS -13
37	Quy trình <u>Thủ tục thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với quân nhân, công nhân viên chức quốc phòng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chế độ, chính sách của Đảng và Nhà nước</u>	QT-CS -14
38	Quy trình <u>Thủ tục giải quyết chế độ hỗ trợ và cấp “Giấy chứng nhận” đối với người tham gia kháng chiến, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế đang định cư ở nước ngoài ủy quyền cho thân nhân ở trong nước kê khai, nhận chế độ</u>	QT-CS -15
39	Quy trình <u>Thủ tục cấp giấy chứng nhận hy sinh đề nghị công nhận liệt sĩ đối với quân nhân, công nhân và viên chức quốc phòng, người làm việc trong tổ chức cơ yếu thuộc Ban Cơ yếu Chính phủ hy sinh hoặc mất tích trong chiến tranh</u>	QT-CS -16
40	Quy trình <u>Thủ tục tiếp nhận hồ sơ, thẩm quyền cấp giấy chứng nhận bị thương đề nghị công nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh đối với quân nhân, công nhân và viên chức quốc phòng, người làm việc trong tổ chức cơ yếu</u>	QT-CS -17

	<u>thuộc Ban Cơ yếu Chính phủ bị thương trong chiến tranh đã chuyển ra</u>	
41	<u>Quy trình Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân nhập ngũ sau ngày 30/4/1975, trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế có từ đủ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội, cơ yếu đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc (đối tượng từ trần)</u>	QT-CS -18
42	<u>Quy trình Thủ tục giải quyết chế độ hưu trí đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu, nhập ngũ sau ngày 30/4/1975, trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế, có từ đủ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội, cơ yếu đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc</u>	QT-CS -19
43	<u>Quy trình Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với công nhân viên chức nhà nước, chuyên gia các ngành; cán bộ xã, phường, thị trấn; công an xã; thanh niên xung phong trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế sau ngày 30/4/1975, đã thôi việc, đã về gia đình (đối tượng còn sống) thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch UBND tỉnh</u>	QT-CS -20
44	<u>Quy trình Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với công nhân viên chức nhà nước, chuyên gia các ngành; cán bộ xã, phường, thị trấn; công an xã; thanh niên xung phong trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế sau ngày 30/4/1975 đã thôi việc, đã về gia đình (đối với đối tượng đã từ trần) thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch UBND tỉnh</u>	QT-CS -21
45	<u>Quy trình Thủ tục thực hiện chế độ trợ cấp hàng tháng đối với quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước có từ đủ 15 năm đến dưới 20 năm công tác trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa phương</u>	QT-CS -22
46	<u>Quy trình Thủ tục thực hiện chế độ một lần đối với đối tượng du kích thôn, ấp ở miền Nam trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước theo Quyết định số 188/2007/QĐ-TTg (đối tượng cư trú ở địa phương khác)</u>	QT-CS -23
47	<u>Quy trình Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp một lần, cấp “Giấy chứng nhận” đối với dân công hỏa tuyến</u>	QT-CS -24

	<u>tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế</u>	
48	Quy trình <u>Thủ tục thực hiện chế độ một lần đối với đối tượng du kích thôn, ấp ở miền Nam trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước theo Quyết định số 188/2007/QĐ-TTg</u>	QT-CS -25
7. LĨNH VỰC CHÍNH SÁCH THUẾ (01 quy trình)		
49	Quy trình <u>Kê khai, thẩm định tờ khai phí bảo vệ môi trường đối với nước thải</u>	QT-CST-01
8. LĨNH VỰC CHỨNG THỰC (11 quy trình)		
50	Quy trình Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	QT-CT-01
51	Quy trình Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	QT-CT-02
52	Quy trình Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc	QT-CT-03
53	Quy trình Thủ tục chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	QT-CT-04
54	Quy trình Thủ tục sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	QT-CT-05
55	Quy trình Thủ tục cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	QT-CT-06
56	Quy trình Thủ tục chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	QT-CT-07
57	Quy trình Thủ tục chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	QT-CT-08
58	Quy trình Thủ tục chứng thực di chúc	QT-CT-09
59	Quy trình Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	QT-CT-10
60	Quy trình Thủ tục chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	QT-CT-11
9. LĨNH VỰC DÂN SỐ- SỨC KHOẺ SINH SẢN (01 quy trình)		
61	Quy trình Xét hưởng chính sách hỗ trợ cho đối tượng sinh con đúng chính sách dân số.	QT-DS-01
10. LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI (23 quy trình)		
62	Quy trình Hòa giải tranh chấp đất đai (cấp xã)	QT-ĐĐ-01
63	Quy trình Thủ tục cung cấp dữ liệu đất đai (cấp tỉnh)	QT-ĐĐ-02

64	Quy trình Thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu (Chi nhánh)	QT-ĐĐ-03
65	Quy trình Thủ tục đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định (Chi nhánh)	QT-ĐĐ-04
66	Quy trình Thủ tục xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất (Chi nhánh)	QT-ĐĐ-05
67	Quy trình Thủ tục đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận (Chi nhánh)	QT-ĐĐ-06
68	Quy trình Thủ tục đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề sau khi được cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề (Chi nhánh)	QT-ĐĐ-07
69	Quy trình Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế (Chi nhánh)	QT-ĐĐ-08
70	Quy trình Thủ tục xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đất đối với trường hợp có nhu cầu (Chi nhánh)	QT-ĐĐ-09
71	Quy trình Thủ tục tách thửa hoặc hợp thửa đất (Chi nhánh)	QT-ĐĐ-10
72	Quy trình Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (Chi nhánh)	QT-ĐĐ-11
73	Quy trình Thủ tục đính chính Giấy chứng nhận đã cấp (Chi nhánh)	QT-ĐĐ-12
74	Quy trình Thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện (Chi nhánh)	QT-ĐĐ-13

75	Quy trình Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu (Chi nhánh)	QT-ĐĐ-14
76	Quy trình Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu; tăng thêm diện tích do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất trong trường hợp thửa đất gốc chưa được cấp Giấy chứng nhận (Chi nhánh)	QT-ĐĐ-15
77	Quy trình Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất (Chi nhánh)	QT-ĐĐ-16
78	Quy trình Đăng ký thay đổi tài sản gắn liền với đất vào Giấy chứng nhận đã cấp (Chi nhánh)	QT-ĐĐ-17
79	Quy trình Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng; tăng thêm diện tích do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất đã có Giấy chứng nhận (Chi nhánh)	QT-ĐĐ-18
80	Quy trình Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm (Chi nhánh)	QT-ĐĐ-19
81	Quy trình Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, của nhóm người sử dụng đất; đăng ký biến động đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp (Chi nhánh)	QT-ĐĐ-20
82	Quy trình Đăng ký biến động đối với trường hợp	QT-ĐĐ-21

	chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất (Chi nhánh)	
83	Quy trình Cấp lại Giấy chứng nhận hoặc cấp lại Trang bổ sung của Giấy chứng nhận do bị mất (Chi nhánh)	QT-ĐĐ-22
84	Quy trình Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền (Chi nhánh)	QT-ĐĐ-23
11. LĨNH VỰC ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA (10 quy trình)		
85	Quy trình Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	QT-ĐTND-01
86	Quy trình Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	QT-ĐTND-02
87	Quy trình Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	QT-ĐTND-03
88	Quy trình Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa	QT-ĐTND-04
89	Quy trình Đăng ký lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	QT-ĐTND-05
90	Quy trình Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	QT-ĐTND-06
91	Quy trình Xác nhận trình báo đường thủy nội địa hoặc trình báo đường thủy nội địa bổ sung	QT-ĐTND-07
92	Quy trình Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác	QT-ĐTND-08
93	Quy trình Xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	QT-ĐTND-09
94	Quy trình Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật	
12. LĨNH VỰC GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI (01 quy trình)		
95	Quy trình <u>Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp xã</u>	QT-GQKN-01
13. LĨNH VỰC GIẢI QUYẾT TỔ CÁO (01 quy trình)		

96	Quy trình <u>Thủ tục giải quyết tố cáo tại cấp xã</u>	QT-GQTC-01
14. LĨNH VỰC HỘ TỊCH (24 QUY TRÌNH)		
97	Quy trình Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	QT-HT-01
98	Quy trình Thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	QT-HT-02
99	Quy trình Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	QT-HT-03
100	Quy trình Thủ tục đăng ký khai tử lưu động	QT-HT-04
101	Quy trình Thủ tục đăng ký kết hôn lưu động	QT-HT-05
102	Quy trình Thủ tục đăng ký khai tử	QT-HT-06
103	Quy trình Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp nhận cha, mẹ, con	QT-HT-07
104	Quy trình Thủ tục đăng ký kết hôn	QT-HT-08
105	Quy trình Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con	QT-HT-09
106	Quy trình Thủ tục đăng ký khai sinh	QT-HT-10
107	Quy trình Thủ tục đăng ký khai sinh lưu động	QT-HT-11
108	Quy trình Thủ tục đăng ký lại kết hôn	QT-HT-12
109	Quy trình Thủ tục đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	QT-HT-13
110	Quy trình Thủ tục đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	QT-HT-14
111	Quy trình Thủ tục đăng ký giám hộ	QT-HT-15
112	Quy trình Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ	QT-HT-16
113	Quy trình Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch	QT-HT-17
114	Quy trình Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	QT-HT-18
115	Quy trình Thủ tục đăng ký lại khai sinh	QT-HT-19
116	Quy trình Đăng ký lại khai tử	QT-HT-20
117	Quy trình Cấp bản sao Trích lục hộ tịch	QT-HT-21
118	Quy trình Liên thông thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	QT-HT-22
119	Quy trình Liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, cấp Thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em	QT-HT-23

	dưới 6 tuổi	
120	Quy trình <u>Xác nhận thông tin hộ tịch</u>	QT-HT-24
15. LĨNH VỰC KHEN THƯỞNG (02 quy trình)		
121	Quy trình <u>Thủ tục xét tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước "Bà mẹ Việt Nam anh hùng"</u>	QT-KT-01
122	Quy trình <u>Thủ tục xét truy tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước "Bà mẹ Việt Nam anh hùng"</u>	QT-KT-02
16. LĨNH VỰC KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG (01 quy trình)		
123	Quy trình <u>Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích</u>	QT-KHCN-01
7. LĨNH VỰC KINH TẾ HỢP TÁC VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN (04 quy trình)		
124	Quy trình <u>Đăng ký thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới</u>	QT-KTHT&PTNN-01
125	Quy trình <u>Xét, công nhận thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới</u>	QT-KTHT&PTNN-02
126	Quy trình <u>Hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.</u>	QT-KTHT&PTNN-03
127	Quy trình <u>Hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.</u>	QT-KTHT&PTNN-04
128	Quy trình <u>Hỗ trợ quảng bá, tuyên truyền, xây dựng thương hiệu; chi phí thiết kế, mua bao bì, nhãn mác hàng hóa cho các sản phẩm OCOP.</u>	QT-KTHT&PTNN-05
129	Quy trình <u>Hỗ trợ cho sản phẩm đạt chuẩn OCOP.</u>	QT-KTHT&PTNN-06
18. LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG (02 quy trình)		
130	Quy trình <u>Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích</u>	QT-MT-01
131	Quy trình <u>Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường</u>	QT-MT-02
19. LĨNH VỰC NGƯỜI CÓ CÔNG (30 quy trình)		
132	Quy trình <u>Giải quyết chế độ mai táng phí đối với thanh niên xung phong thời kỳ chống Pháp</u>	QT-NCC-01
133	Quy trình <u>Giải quyết chế độ mai táng phí đối với cựu chiến binh</u>	QT-NCC-02

134	Quy trình Trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	QT-NCC-03
135	Quy trình Trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	QT-NCC-04
136	Quy trình Cấp giấy xác nhận thân nhân của người có công	QT-NCC-05
137	Quy trình Thăm viếng mộ liệt sĩ	QT-NCC-06
138	Quy trình Cấp giấy xác nhận thông tin về nơi liệt sĩ hy sinh.	QT-NCC-07
139	Quy trình Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ.	QT-NCC-08
140	Quy trình Hưởng trợ cấp khi người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi từ trần	QT-NCC-09
141	Quy trình Giải quyết chế độ hỗ trợ để theo học đến trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	QT-NCC-10
142	Quy trình Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng.	QT-NCC-11
143	Quy trình Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế	QT-NCC-12
144	Quy trình Công nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày	QT-NCC-13
145	Quy trình Công nhận và giải quyết chế độ con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	QT-NCC-14
146	Quy trình Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	QT-NCC-15
147	Quy trình Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi	QT-NCC-16

	người hoạt động cách mạng.	
148	Quy trình Cấp bổ sung hoặc cấp lại giấy chứng nhận người có công do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý và giấy chứng nhận thân nhân liệt sĩ	QT-NCC-17
149	Quy trình Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tỉnh quản lý	QT-NCC-18
150	Quy trình Công nhận đối với người bị thương trong chiến tranh không thuộc quân đội, công an	QT-NCC-19
151	Quy trình Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến hiện không công tác trong quân đội, công an	QT-NCC-20
152	Quy trình Giải quyết chế độ mai táng phí đối với thanh niên xung phong thời kỳ chống Pháp	QT-NCC-21
153	Quy trình Giải quyết chế độ mai táng phí đối với cựu chiến binh	QT-NCC-22
154	Quy trình Trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	QT-NCC-23
155	Quy trình Trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	QT-NCC-24
156	Quy trình Cấp giấy xác nhận thân nhân của người có công	QT-NCC-25
157	Quy trình Thăm viếng mộ liệt sĩ	QT-NCC-26
158	Quy trình Cấp giấy xác nhận thông tin về nơi liệt sĩ hy sinh.	QT-NCC-27
159	Quy trình Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ.	QT-NCC-28
160	Quy trình Hưởng trợ cấp khi người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi từ trần	QT-NCC-29
161	Quy trình Giải quyết chế độ hỗ trợ để theo học đến	QT-NCC-30

	trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	
20. LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP (13 quy trình)		
162	Quy trình Hỗ trợ kinh phí nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và thuê quyền sử dụng đất để thực hiện dự án sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao và theo hướng công nghệ cao.	QT-NN-01
163	Quy trình Hỗ trợ chi phí mua máy tước vỏ cây gai xanh	QT-NN-02
164	Quy trình Hỗ trợ chi phí mua giống cây gai xanh	QT-NN-03
165	Quy trình Hỗ trợ chi phí chuyển đổi cây lâu năm kém hiệu quả sang trồng cây gai xanh	QT-NN-04
166	Quy trình Hỗ trợ mua thiết bị giám sát hành trình và phí thuê bao dịch vụ thiết bị giám sát hành trình cho chủ tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15m trở lên trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	QT-NN-05
167	Quy trình Hỗ trợ khi ngừng hoạt động hoặc di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	QT-NN-06
168	Quy trình Hỗ trợ chi phí mua cây giống cây ăn quả	QT-NN-07
169	Quy trình Hỗ trợ ứng dụng công nghệ vật liệu mới trong đóng mới hầm bảo quản sản phẩm khai thác thủy sản cho các tàu cá đánh bắt, hậu cần đánh bắt vùng khơi	QT-NN-08
170	Quy trình Hỗ trợ cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững	QT-NN-09
171	Quy trình Hỗ trợ thâm canh rừng trồng luồng, nứa, vầu	QT-NN-10
172	Quy trình Hỗ trợ chi phí mua giống cây gai xanh	QT-NN-11
173	Quy trình Hỗ trợ chi phí mua máy tước vỏ cây gai xanh	QT-NN-12

174	Quy trình Hỗ trợ kinh phí nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và thuê quyền sử dụng đất để thực hiện dự án sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao và theo hướng công nghệ cao.	QT-NN-13
21. LĨNH VỰC NUÔI CON NUÔI (03 quy trình)		
175	Quy trình Giải quyết việc người nước ngoài cư trú ở khu vực biên giới nước láng giềng nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	QT-NCN-01
176	Quy trình Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	QT-NCN-02
177	Quy trình Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	QT-NCN-03
22. LĨNH VỰC PHỔ BIẾN GIÁO DỤC PHÁP LUẬT (05 quy trình)		
178	Quy trình Thủ tục thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải	QT-PBGDPL-01
179	Quy trình Thủ tục thôi làm hòa giải viên (cấp xã)	QT-PBGDPL-02
180	Quy trình Thủ tục cho thôi làm tuyên truyền viên pháp luật	QT-PBGDPL-03
181	Quy trình Thủ tục công nhận tuyên truyền viên pháp luật	QT-PBGDPL-04
182	Quy trình Thủ tục thanh toán thù lao cho hòa giải viên	QT-PBGDPL-05
23. LĨNH VỰC PHÒNG, CHỐNG TỆ NẠN XÃ HỘI (03 quy trình)		
183	Quy trình Quyết định quản lý cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình	QT-PCTNXH-01
184	Quy trình Đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện	QT-PCTNXH-01
185	Quy trình Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân	QT-PCTNXH-01
24. LĨNH VỰC PHÒNG, CHỐNG THAM NHƯNG (04 quy trình)		
186	Quy trình Thủ tục kê khai tài sản, thu nhập	QT-PCTN-01
187	Quy trình Thủ tục xác minh tài sản, thu nhập	QT-PCTN-02
188	Quy trình Thủ tục tiếp nhận yêu cầu giải trình	QT-PCTN-03
189	Quy trình Thủ tục thực hiện việc giải trình	QT-PCTN-04
25. LĨNH VỰC PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI (05 quy trình)		
190	Quy trình Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội	QT-PCTT-01
191	Quy trình Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội	QT-PCTT-02

192	<u>Quy trình Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai</u>	QT-PCTT-03
193	<u>Quy trình Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do dịch bệnh</u>	QT-PCTT-04
194	<u>Quy trình Đăng ký kê khai số lượng chăn nuôi tập trung và nuôi trồng thủy sản ban đầu</u>	QT-PCTT-05
26. LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ HỢP TÁC (03 quy trình)		
195	<u>Quy trình Thông báo thành lập tổ hợp tác</u>	QT-TLHĐTHT-01
196	<u>Quy trình Thông báo thay đổi tổ hợp tác</u>	QT-TLHĐTHT-02
197	<u>Quy trình Thông báo chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác</u>	QT-TLHĐTHT-03
27. LĨNH VỰC THỂ DỤC THỂ THAO (01 quy trình)		
198	<u>Quy trình Thủ tục công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở</u>	QT-TDĐT-01
28. LĨNH VỰC THI ĐUA – KHEN THƯỞNG (09 quy trình)		
199	<u>Quy trình Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã cho gia đình</u>	QT-TĐKT-01
200	<u>Quy trình Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thực hiện nhiệm vụ chính trị</u>	QT-TĐKT-02
201	<u>Quy trình Thủ tục công nhận Danh hiệu Tổ dân phố kiểu mẫu.</u>	QT-TĐKT-03
202	<u>Quy trình Thủ tục công nhận Danh hiệu Gia đình kiểu mẫu.</u>	QT-TĐKT-04
203	<u>Quy trình Thủ tục công nhận Danh hiệu Công dân kiểu mẫu thuộc phạm vi quản lý của UBND cấp xã, tỉnh Thanh Hóa</u>	QT-TĐKT-05
204	<u>Quy trình Thủ tục công nhận Hộ nông dân sản xuất kinh doanh giỏi; Chi hội nông dân tổ chức phong trào giỏi cấp xã</u>	QT-TĐKT-06
205	<u>Quy trình Thủ tục xét tặng danh hiệu Lao động tiên tiến</u>	QT-TĐKT-07
206	<u>Quy trình Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích đột xuất</u>	QT-TĐKT-08
207	<u>Quy trình Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích thi đua theo đợt hoặc chuyên đề</u>	QT-TĐKT-09
29. LĨNH VỰC THƯ VIỆN (03 quy trình)		
208	<u>Quy trình Thủ tục thông báo thành lập thư viện đối với thư viện cộng đồng</u>	QT-TV-01
209	<u>Quy trình Thủ tục thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện đối với thư viện cộng đồng</u>	QT-TV-02
210	<u>Quy trình Thủ tục thông báo chấm dứt hoạt động thư viện cộng đồng</u>	QT-TV-03

30. LĨNH VỰC THỦY LỢI (03 quy trình)		
211	Quy trình Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	QT-TL-01
212	Quy trình Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	QT-TL-02
213	Quy trình Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện)	QT-TL-03
31. LĨNH VỰC TIẾP CÔNG DÂN (01 quy trình)		
214	Quy trình Thủ tục tiếp công dân tại cấp xã	QT-TCD-01
32. LĨNH VỰC TÔN GIÁO CHÍNH PHỦ (10 quy trình)		
215	Quy trình Thủ tục đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng	QT-TGCP-01
216	Quy trình Thủ tục đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung	QT-TGCP-02
217	Quy trình Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã	QT-TGCP-03
218	Quy trình Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã	QT-TGCP-04
219	Quy trình Thủ tục đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung	QT-TGCP-05
220	Quy trình Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã	QT-TGCP-06
221	Quy trình Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn xã khác	QT-TGCP-07
222	Quy trình Thủ tục thông báo về việc thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung	QT-TGCP-08
223	Quy trình Thủ tục thông báo tổ chức quyên góp trong địa bàn một xã của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc	QT-TGCP-09
224	Quy trình Thủ tục đăng ký hoạt động tín ngưỡng	QT-TGCP-10
33. LĨNH VỰC TRẺ EM (05 quy trình)		
225	Quy trình Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em	QT-TE-01

226	Quy trình Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em	QT-TE-02
227	Quy trình Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em	QT-TE-03
228	Quy trình Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em	QT-TE-04
229	Quy trình Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	QT-TE-05
34. LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT (01 quy trình)		
230	Quy trình Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa	QT-TT-01
35. LĨNH VỰC VĂN HOÁ (03 quy trình)		
231	Quy trình Thủ tục xét tặng danh hiệu Gia đình văn hóa hàng năm	QT-VH-01
232	Quy trình Thủ tục xét tặng Giấy khen Gia đình văn hóa	QT-VH-02
233	Quy trình Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp xã	QT-VH-03
36. LĨNH VỰC TƯ VẤN PHÁP LUẬT (01 quy trình)		
234	Quy trình Cấp thẻ tư vấn viên pháp luật	QT-TVPL-01
37. LĨNH VỰC XỬ LÝ ĐƠN (01 quy trình)		
235	<u>Quy trình Thủ tục xử lý đơn tại cấp xã</u>	QT-XLD-01
38. LĨNH VỰC ĐĂNG KÝ BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM (01 quy trình)		
236	Quy trình Chuyển tiếp đăng ký thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán nhà ở hoặc từ hợp đồng mua bán tài sản khác gắn liền với đất	QT-ĐKBPD-01
39. LĨNH VỰC CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC KHÁC (05 quy trình)		
237	Quy trình Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học	QT-CCSGDK-01
238	Quy trình Thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập	QT-CCSGDK-02
239	Quy trình Cho phép nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập hoạt động giáo dục trở lại	QT-CCSGDK-03
240	Quy trình Sáp nhập, chia, tách nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập	QT-CCSGDK-04
241	Quy trình Giải thể nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập)	QT-CCSGDK-05
40. LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP		
242	Quy trình Hỗ trợ gao cho các hộ gia đình tham gia bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn huyện Mường Lát	QT-LN-01

40. LĨNH VỰC CÔNG AN(7 quy trình)		
243	Quy trình Quản lý ngành nghề kinh doanh	
244	Quy trình Đăng ký, quản lý cư trú	
245	Quy trình Đăng ký, quản lý phương tiện giao thông cơ giới đường bộ	
246	Quy trình Khiếu nại, tố cáo	
247	Quy trình Phòng cháy chữa cháy	
248	Quy trình Quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và pháo	
249	Quy trình Quản lý xuất nhập, cảnh	